

Trường Cao Đẳng Công Thương TP.HCM
Phòng Quản Lý Đào Tạo

BẢNG GHI ĐIỂM QUÁ TRÌNH

Học Kỳ 1 - Năm Học 2023-2024

Môn học/Nhóm **Giáo dục quốc phòng và an ninh - LHP 12116**
CBGD **Trương Xuân Hùng**

Số tín chỉ: 5

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày Sinh	Lớp	BP. 1	BP. 2	BP. 3	BP. 4	BP. 5	ĐQT	Ghi chú
1	2123050181	Đỗ Phạm Nhật	An	04/05/2005	Điện công nghiệp D	5.6	5.7	3	9.3	6	6.4	
2	2123050162	Nguyễn Ngọc Gia	Bảo	29/10/2005	Điện công nghiệp D	5.0	5.0	5.0	8.3	8	6.8	
3	2123050142	Đỗ Thanh	Cao	22/06/2005	Điện công nghiệp D	5.6	6.3	4	9	7	6.8	
4	2123050094	Đinh Hoàng	Chí	11/10/2004	Điện công nghiệp C	0.0	0.0	0	0	0	0.0	
5	2123050133	Hán Nhật	Cương	31/07/2005	Điện công nghiệp C	7.3	5.3	4	8.3	7	6.7	
6	2123050171	Não Văn	Diên	02/05/2005	Điện công nghiệp D	6.9	8.0	4	6.7	7	6.6	
7	2123050189	Lê Thanh	Đồng	18/06/2005	Điện công nghiệp D	4.6	7.3	6.0	4	8	6.0	
8	2123050115	Trương Quốc	Dũng	19/05/2005	Điện công nghiệp C	6.6	8.0	5	8.7	8	7.6	
9	2123050217	Bùi Quốc	Duy	06/01/2004	Điện công nghiệp D	7.3	8.7	5	6.3	8	7.1	
10	2123050167	Đặng Đức	Duy	08/11/2005	Điện công nghiệp D	5.0	6.7	6	8.3	8	7.2	
11	2123050140	Nguyễn Phạm Mạnh	Duy	30/09/2005	Điện công nghiệp D	4.6	5.0	7	9	10	7.8	
12	2123050149	Đặng Vũ	Hải	17/07/2005	Điện công nghiệp D	7.3	6.7	6	9	8	7.7	
13	2123050139	Trần Đức	Hải	01/06/2005	Điện công nghiệp C	5.9	7.0	7.0	9.3	8	7.8	
14	2123050146	Lê Tuấn	Hào	21/12/2005	Điện công nghiệp D	5.0	6.0	3	8.3	6	6.1	
15	2123050134	Bá Trung	Hiếu	05/08/2005	Điện công nghiệp C	6.6	7.0	4	9.3	7	7.2	
16	2123050136	Nguyễn Văn	Hiếu	12/03/2005	Điện công nghiệp C	5.6	8.3	4	6	7	6.3	
17	2123050128	Trần Duy	Hiếu	14/11/2005	Điện công nghiệp C	6.9	5.0	5	8.7	8	7.2	
18	2123050145	Trần Võ	Hiếu	01/04/2005	Điện công nghiệp D	0.0	0.0	0	0	0	0.0	
19	2123050186	Nguyễn Ngọc	Hòa	23/10/2005	Điện công nghiệp C	7.6	8.7	6	9	8	8.0	
20	2123050092	Phạm Ngọc	Huân	21/04/2005	Điện công nghiệp C	4.6	4.0	7	9.3	8	7.2	
21	2123050099	Nguyễn Thanh	Hùng	17/06/2003	Điện công nghiệp C	6.6	7.0	5	9	8	7.5	
22	2123050170	Nguyễn Thế	Huy	20/11/2005	Điện công nghiệp D	0.0	0.0	0	0	0	0.0	
23	2123050153	Nguyễn Võ Trí	Huy	25/12/2005	Điện công nghiệp D	6.6	6.0	3	9	6	6.5	
24	2123050190	Trần Hữu Nam	Khánh	19/11/2005	Điện công nghiệp D	5.9	6.3	5	9	8	7.3	
25	2123050110	Đỗ Tấn	Khoa	06/11/2005	Điện công nghiệp C	6.6	6.7	4	8.3	7	6.8	
26	2123050144	Nguyễn Văn	Lâm	31/05/2005	Điện công nghiệp D	5.9	6.7	6	9	8	7.5	
27	2123050172	Bùi Văn	Lanh	22/08/2005	Điện công nghiệp D	0.0	0.0	0	0	0	0.0	
28	2123050135	Bá Trung	Lễ	05/08/2005	Điện công nghiệp C	7.6	7.3	4	6.3	7	6.5	
29	2123050179	Thạch Hoàng	Linh	12/10/2004	Điện công nghiệp D	0.0	0.0	0.0	0	0	0.0	
30	2123050138	Phạm Nguyễn Công	Luân	30/01/2005	Điện công nghiệp C	4.0	5.0	7.0	9	8	7.1	
31	2123050109	Lâm Văn	Lực	29/01/2005	Điện công nghiệp C	5.6	7.3	4	5.3	7	5.9	
32	2123050169	Đặng Hoài	Nam	22/08/2005	Điện công nghiệp D	5.3	5.7	4	8.7	7	6.6	
33	2123050141	Vũ Xuân	Nguyễn	16/11/2005	Điện công nghiệp D	5.9	5.7	5	8.3	8	7.0	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày Sinh	Lớp	BP. 1	BP. 2	BP. 3	BP. 4	BP. 5	ĐQT	Ghi chú
34	2121210115	Võ Thị Như	Nguyệt	16/09/2003	Công nghệ thực phẩm C	8.3	8.0	8.0	8	10	8.6	
35	2121210103	Huỳnh Như	Nhật	20/12/2003	Công nghệ thực phẩm C	7.6	8.3	8.0	4	10	7.4	
36	2123050118	Phạm Nguyễn Hoàng	Nhật	17/04/2005	Điện công nghiệp C	6.3	6.0	7	7	8	7.0	
37	2123050100	Nguyễn Trung	Niên	16/12/2004	Điện công nghiệp C	6.3	5.7	7	9.3	8	7.6	
38	2123050126	Nguyễn Đình	Ninh	24/10/2005	Điện công nghiệp C	5.9	7.7	7.0	9.3	8	7.9	
39	2123050143	Cao Lâm Triều	Phát	19/01/2004	Điện công nghiệp D	0.0	0.0	0.0	0	0	0.0	
40	2123050121	Mai Võ Tuấn	Phong	10/09/2005	Điện công nghiệp C	5.3	5.3	7	4	8	5.9	
41	2123050129	Bùi Văn	Phúc	23/03/2005	Điện công nghiệp C	5.6	5.7	7	9	8	7.5	
42	2123050125	Nguyễn Hoàng	Phúc	08/09/2005	Điện công nghiệp C	6.9	5.3	5	6.3	8	6.5	
43	2123050130	Nguyễn Thanh	Phúc	25/03/2004	Điện công nghiệp C	5.6	7.3	7	6.3	8	6.9	
44	2123050147	Phạm Huỳnh	Phúc	18/02/2005	Điện công nghiệp D	7.3	6.7	3	8	6	6.4	
45	2123050166	Vũ Gia	Phúc	09/08/2005	Điện công nghiệp D	4.6	6.7	5	9	8	7.2	
46	2123050095	Đặng Thanh	Quân	04/01/2005	Điện công nghiệp C	6.6	7.0	7	6	8	6.9	
47	2123050101	Nguyễn Anh	Quang	25/05/2005	Điện công nghiệp C	7.3	6.7	7	9.3	8	7.9	
48	2123050107	Phạm Huỳnh	Quốc	15/11/2005	Điện công nghiệp C	7.9	8.0	4	9.3	7	7.5	
49	2123050117	Lê Ngọc	Quý	16/01/2005	Điện công nghiệp C	0.0	0.0	0	0	0	0.0	
50	2123050158	Quảng Đại	Sang	19/10/2005	Điện công nghiệp D	7.3	8.0	4	9	10	8.2	
51	2123050090	Đỗ Nhật	Tân	19/04/2005	Điện công nghiệp C	5.3	7.3	3	4	6	5.1	
52	2123050157	Trương Ngọc	Thái	04/09/2005	Điện công nghiệp D	7.3	7.0	4	8.7	7	7.1	
53	2123050120	Đặng Mậu	Thành	15/06/2005	Điện công nghiệp C	7.6	6.3	5	5.7	10	7.2	
54	2123050191	Võ Triệu	Thiên	01/05/2005	Điện công nghiệp D	7.3	9.3	6.0	8	8	7.8	
55	2123050097	Nguyễn Văn	Thông	01/11/2005	Điện công nghiệp C	6.6	8.7	3	8.3	6	6.7	
56	2123050176	Trần Thiên	Thuận	05/07/2005	Điện công nghiệp D	0.0	0.0	0	0	0	0.0	
57	2123050187	Phạm Công	Tiến	20/04/2005	Điện công nghiệp D	7.3	8.0	6	9.7	10	8.7	
58	2123050132	Nguyễn Đức	Toàn	17/02/2003	Điện công nghiệp C	7.6	7.3	3	4	6	5.4	
59	2123050163	Nguyễn Minh	Toàn	18/12/2005	Điện công nghiệp D	7.3	7.3	5	9.3	8	7.7	
60	2123050102	Nguyễn Quốc	Toán	05/05/2005	Điện công nghiệp C	5.6	7.0	3	8	0	4.5	
61	2121210089	Huỳnh Yến Hồng	Trang	15/11/2003	Công nghệ thực phẩm C	7.9	7.0	8	4	10	7.3	
62	2123050161	Trần Đàm	Triết	01/01/2005	Điện công nghiệp D	6.3	6.7	6	8.3	8	7.4	
63	2123050114	Trần Minh	Trọng	22/12/2005	Điện công nghiệp C	5.0	4.3	3	8.3	6	5.8	
64	2123050164	Nguyễn Lê Thành	Trung	19/06/2005	Điện công nghiệp D	6.3	5.7	3	8.3	6	6.2	
65	2123050148	Bùi Đan	Trường	13/04/2005	Điện công nghiệp D	7.9	8.3	6	8.7	8	7.9	
66	2123050093	Bùi Duy	Tuấn	12/12/2005	Điện công nghiệp C	6.3	6.3	6	8.7	8	7.4	
67	2123050123	Trần Nhật	Tường	12/08/2005	Điện công nghiệp C	7.3	8.3	8	8	10	8.5	
68	2123050159	Châu Ngọc	Tuy	05/01/2005	Điện công nghiệp D	7.6	6.0	4	8.3	7	6.9	
69	2123050154	Lê Tiến Anh	Việt	03/07/2005	Điện công nghiệp D	5.3	7.3	6	8.3	8	7.3	
70	2123050215	Đặng Ngọc	Vinh	19/07/2005	Điện công nghiệp D	0.0	0.0	0	0	0	0.0	
71	2123050103	Nông Văn	Vinh	23/02/2005	Điện công nghiệp C	0.0	0.0	0	0	0	0.0	
72	2123050156	Trịnh Minh	Vọng	07/02/2005	Điện công nghiệp D	5.3	7.7	6	9.3	8	7.6	
73	2123050106	Phạm Long	Vũ	13/02/2005	Điện công nghiệp C	6.3	6.7	3.0	9.3	6	6.6	

BẢNG GHI ĐIỂM MÔN HỌC - HỌC PHẦN

Học Kỳ 1 - Năm Học 2023-2024

Môn học/Nhóm
CBGD

Giáo dục quốc phòng và an ninh - LHP 12116
Trương Xuân Hùng

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm môn học/học phần
1	2123050181	Đỗ Phạm Nhật	An	04/05/2005	Điện công nghiệp D	6.4	4.8	5.4
2	2123050162	Nguyễn Ngọc Gia	Bảo	29/10/2005	Điện công nghiệp D	6.8	4.8	5.6
3	2123050142	Đỗ Thanh	Cao	22/06/2005	Điện công nghiệp D	6.8	4.8	5.6
4	2123050094	Đinh Hoàng	Chí	11/10/2004	Điện công nghiệp C	0.0	0.0	0.0
5	2123050133	Hán Nhật	Cương	31/07/2005	Điện công nghiệp C	6.7	6.4	6.5
6	2123050171	Nào Văn	Diên	02/05/2005	Điện công nghiệp D	6.6	6.8	6.7
7	2123050189	Lê Thanh	Đồng	18/06/2005	Điện công nghiệp D	6.0	5.6	5.8
8	2123050115	Trương Quốc	Dũng	19/05/2005	Điện công nghiệp C	7.6	5.2	6.1
9	2123050217	Bùi Quốc	Duy	06/01/2004	Điện công nghiệp D	7.1	4.8	5.7
10	2123050167	Đặng Đức	Duy	08/11/2005	Điện công nghiệp D	7.2	5.0	5.9
11	2123050140	Nguyễn Phạm Mạnh	Duy	30/09/2005	Điện công nghiệp D	7.8	4.8	6.0
12	2123050149	Đặng Vũ	Hải	17/07/2005	Điện công nghiệp D	7.7	4.8	6.0
13	2123050139	Trần Đức	Hải	01/06/2005	Điện công nghiệp C	7.8	4.8	6.0
14	2123050146	Lê Tuấn	Hào	21/12/2005	Điện công nghiệp D	6.1	4.8	5.3
15	2123050134	Bá Trung	Hiệu	05/08/2005	Điện công nghiệp C	7.2	6.4	6.7
16	2123050136	Nguyễn Văn	Hiệu	12/03/2005	Điện công nghiệp C	6.3	5.4	5.8
17	2123050128	Trần Duy	Hiệu	14/11/2005	Điện công nghiệp C	7.2	5.2	6.0
18	2123050145	Trần Võ	Hiệu	01/04/2005	Điện công nghiệp D	0.0	0.0	0.0
19	2123050186	Nguyễn Ngọc	Hòa	23/10/2005	Điện công nghiệp C	8.0	6.0	6.8
20	2123050092	Phạm Ngọc	Huân	21/04/2005	Điện công nghiệp C	7.2	4.8	5.7
21	2123050099	Nguyễn Thanh	Hùng	17/06/2003	Điện công nghiệp C	7.5	4.8	5.9
22	2123050170	Nguyễn Thế	Huy	20/11/2005	Điện công nghiệp D	0.0	0.0	0.0
23	2123050153	Nguyễn Võ Trí	Huy	25/12/2005	Điện công nghiệp D	6.5	5.8	6.1
24	2123050190	Trần Hữu Nam	Khánh	19/11/2005	Điện công nghiệp D	7.3	5.4	6.2
25	2123050110	Đỗ Tấn	Khoa	06/11/2005	Điện công nghiệp C	6.8	5.4	6.0
26	2123050144	Nguyễn Văn	Lâm	31/05/2005	Điện công nghiệp D	7.5	5.4	6.2
27	2123050172	Bùi Văn	Lanh	22/08/2005	Điện công nghiệp D	0.0	0.0	0.0
28	2123050135	Bá Trung	Lễ	05/08/2005	Điện công nghiệp C	6.5	6.0	6.2
29	2123050179	Thạch Hoàng	Linh	12/10/2004	Điện công nghiệp D	0.0	0.0	0.0
30	2123050138	Phạm Nguyễn Công	Luân	30/01/2005	Điện công nghiệp C	7.1	5.0	5.9
31	2123050109	Lâm Văn	Lực	29/01/2005	Điện công nghiệp C	5.9	6.6	6.3
32	2123050169	Đặng Hoài	Nam	22/08/2005	Điện công nghiệp D	6.6	4.8	5.5
33	2123050141	Vũ Xuân	Nguyên	16/11/2005	Điện công nghiệp D	7.0	4.8	5.7

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm môn học/học phần
34	2121210115	Võ Thị Như	Nguyệt	16/09/2003	Công nghệ thực phẩm C	8.6	6.0	7.0
35	2121210103	Huỳnh Như	Nhật	20/12/2003	Công nghệ thực phẩm C	7.4	6.2	6.7
36	2123050118	Phạm Nguyễn Hoàng	Nhật	17/04/2005	Điện công nghiệp C	7.0	4.8	5.7
37	2123050100	Nguyễn Trung	Niên	16/12/2004	Điện công nghiệp C	7.6	4.8	5.9
38	2123050126	Nguyễn Đình	Ninh	24/10/2005	Điện công nghiệp C	7.9	4.8	6.0
39	2123050121	Mai Võ Tuấn	Phong	10/09/2005	Điện công nghiệp C	5.9	4.8	5.3
40	2123050129	Bùi Văn	Phúc	23/03/2005	Điện công nghiệp C	7.5	4.8	5.9
41	2123050125	Nguyễn Hoàng	Phúc	08/09/2005	Điện công nghiệp C	6.5	4.8	5.5
42	2123050130	Nguyễn Thanh	Phúc	25/03/2004	Điện công nghiệp C	6.9	4.8	5.7
43	2123050147	Phạm Huỳnh	Phúc	18/02/2005	Điện công nghiệp D	6.4	4.8	5.4
44	2123050166	Vũ Gia	Phúc	09/08/2005	Điện công nghiệp D	7.2	6.0	6.5
45	2123050095	Đặng Thanh	Quân	04/01/2005	Điện công nghiệp C	6.9	5.4	6.0
46	2123050101	Nguyễn Anh	Quang	25/05/2005	Điện công nghiệp C	7.9	4.8	6.1
47	2123050107	Phạm Huỳnh	Quốc	15/11/2005	Điện công nghiệp C	7.5	5.8	6.5
48	2123050117	Lê Ngọc	Quý	16/01/2005	Điện công nghiệp C	0.0	0.0	0.0
49	2123050158	Quảng Đại	Sang	19/10/2005	Điện công nghiệp D	8.2	6.4	7.1
50	2123050090	Đỗ Nhật	Tân	19/04/2005	Điện công nghiệp C	5.1	4.8	4.9
51	2123050157	Trương Ngọc	Thái	04/09/2005	Điện công nghiệp D	7.1	6.0	6.4
52	2123050120	Đặng Mậu	Thành	15/06/2005	Điện công nghiệp C	7.2	7.0	7.1
53	2123050191	Võ Triệu	Thiên	01/05/2005	Điện công nghiệp D	7.8	5.8	6.6
54	2123050097	Nguyễn Văn	Thông	01/11/2005	Điện công nghiệp C	6.7	5.2	5.8
55	2123050176	Trần Thiên	Thuận	05/07/2005	Điện công nghiệp D	0.0	0.0	0.0
56	2123050187	Phạm Công	Tiến	20/04/2005	Điện công nghiệp D	8.7	5.8	6.9
57	2123050132	Nguyễn Đức	Toàn	17/02/2003	Điện công nghiệp C	5.4	5.8	5.6
58	2123050163	Nguyễn Minh	Toàn	18/12/2005	Điện công nghiệp D	7.7	4.8	6.0
59	2123050102	Nguyễn Quốc	Toàn	05/05/2005	Điện công nghiệp C	4.5	6.6	5.8
60	2121210089	Huỳnh Yến Hồng	Trang	15/11/2003	Công nghệ thực phẩm C	7.3	5.6	6.3
61	2123050161	Trần Đàm	Triết	01/01/2005	Điện công nghiệp D	7.4	4.8	5.8
62	2123050114	Trần Minh	Trọng	22/12/2005	Điện công nghiệp C	5.8	4.8	5.2
63	2123050164	Nguyễn Lê Thành	Trung	19/06/2005	Điện công nghiệp D	6.2	5.2	5.6
64	2123050148	Bùi Đan	Trường	13/04/2005	Điện công nghiệp D	7.9	5.2	6.3
65	2123050093	Bùi Duy	Tuấn	12/12/2005	Điện công nghiệp C	7.4	4.8	5.9
66	2123050123	Trần Nhật	Tường	12/08/2005	Điện công nghiệp C	8.5	6.4	7.2
67	2123050159	Châu Ngọc	Tuy	05/01/2005	Điện công nghiệp D	6.9	6.2	6.5
68	2123050154	Lê Tiến Anh	Việt	03/07/2005	Điện công nghiệp D	7.3	6.0	6.5
69	2123050215	Đặng Ngọc	Vinh	19/07/2005	Điện công nghiệp D	0.0	0.0	0.0
70	2123050103	Nông Văn	Vinh	23/02/2005	Điện công nghiệp C	0.0	0.0	0.0
71	2123050156	Trịnh Minh	Vọng	07/02/2005	Điện công nghiệp D	7.6	5.8	6.5
72	2123050106	Phạm Long	Vũ	13/02/2005	Điện công nghiệp C	6.6	5.6	6.0

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm môn học/học phần
-----	-------	-----------	-----------	-----	-------------------	----------	--------------------------

Tp. HCM, ngày 05 tháng 12 năm 2023

GIẢNG VIÊN

Trương Xuân Hùng